

Số: /BC-CCKL

Quảng Ngãi, ngày

tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2023

(Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023)

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2022;

Trên cơ sở kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2023 trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố¹, Chi cục Kiểm lâm tổng hợp Báo cáo của các Hạt Kiểm lâm trực thuộc về kết quả theo dõi diễn biến rừng toàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu

Chi cục Kiểm lâm đã chủ động tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản và trực tiếp ban hành văn bản theo thẩm quyền² chỉ đạo, hướng dẫn các Hạt Kiểm lâm trực thuộc và các đơn vị chủ rừng nhóm II tổ chức thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn, lâm phần quản lý theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4446/UBND-KTN ngày 06/9/2022 và Công văn số 5284/UBND-KTN ngày 17/10/2022.

Các Hạt Kiểm lâm trực thuộc đã chủ động tham mưu UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành văn bản chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp xã và các đơn vị chủ rừng đóng trên địa bàn tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến rừng.

¹ Sơn Tây: Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2024; Ba Tơ: Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 08/01/2024; Thành phố Quảng Ngãi: Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 11/01/2024; Lý Sơn: Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 15/01/2024; Minh Long: Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 18/01/2024; Mộ Đức: Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 19/01/2024; Nghĩa Hành: Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 23/01/2024; Sơn Tịnh: Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; Trà Bồng: Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; Thị xã Đức Phổ: Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 29/01/2024; Sơn Hà: Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 29/01/2024; Bình Sơn: Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 06/02/2024; Tư Nghĩa: Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 26/01/2024;

² Công văn số 1303/SNNPTNT-KL ngày 06/4/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tổ chức quản lý diện tích rừng tự nhiên sản xuất bổ sung và quy hoạch 03 loại rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; các văn bản của Chi cục Kiểm lâm như: Công văn số 97/CCKL/BVR ngày 14/2/2023 về việc cập nhật bổ sung các lô trạng thái rừng theo đề nghị của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; Công văn số 590/CCKL-BVR ngày 03/7/2023 về việc rà soát, báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh hiện trạng rừng chưa trùng khớp giữa hồ sơ quản lý và thực địa, đề xuất cập nhật vào phần mềm FRMS 4.0; Công văn số 924/CCKL-BVR ngày 18/9/2023 về việc cung cấp hồ sơ có liên quan và tổ chức xác minh hiện trạng rừng chưa trùng khớp giữa hồ sơ quản lý và thực địa; Công văn số 1114/CCKL-BVR ngày 14/11/2023 về việc đề nghị hướng dẫn khắc phục những bất cập trong quá trình sử dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng FRMS 4.0

2. Công tác kiểm tra, giám sát

Trên cơ sở Kế hoạch số 491/KH-CCKL ngày 02/6/2023 về việc kiểm tra công tác theo dõi diễn biến rừng năm 2023 và sử dụng các phần mềm chuyên dùng theo dõi ảnh vệ tinh kết hợp sử dụng thiết bị bay Flycam, Chi cục Kiểm lâm đã kiểm tra hiện trạng rừng, đánh giá mức độ đầy đủ của tài liệu, số liệu, cơ sở dữ liệu, kết quả cập nhật diễn biến rừng của các Hạt Kiểm lâm trực thuộc.

Các Hạt Kiểm lâm đã chỉ đạo bộ phận Quản lý bảo vệ rừng, Kiểm lâm phụ trách địa bàn các xã, phường, thị trấn rà soát hiện trạng rừng trồng, rừng tự nhiên thông qua ảnh vệ tinh và phối hợp với Chủ rừng xác minh hiện trường (vị trí, diện tích) biến động rừng tự nhiên để cập nhật vào phần mềm; lập kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện của các đơn vị Chủ rừng, Kiểm lâm phụ trách địa bàn cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và các văn bản hướng dẫn của Cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm vùng IV, Chi cục Kiểm lâm.

Qua công tác kiểm tra đã chỉ ra những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục trong quá trình tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến rừng tại các địa phương³, làm cơ sở để Hạt Kiểm lâm hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn (đối với huyện Lý Sơn do không thành lập Hạt Kiểm lâm) kịp thời trình UBND cấp huyện phê duyệt, công bố hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn đúng tiến độ thời gian quy định.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DÕI DIỄN BIẾN RỪNG NĂM 2023

1. Hiện trạng rừng và đất chưa có rừng

TT	Phân loại đất, loại rừng	Diện tích (ha)
	Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp	360.621,60
1	Diện tích đất có rừng	264.907,95
1.1	<i>Phân theo nguồn gốc và mục đích sử dụng</i>	264.907,95
a)	Rừng tự nhiên	106.712,07
-	<i>Phòng hộ</i>	82.648,62
-	<i>Sản xuất</i>	22.662,01
-	<i>Ngoài quy hoạch phát triển rừng</i>	1.401,44
b)	Rừng trồng	158.195,88
-	<i>Phòng hộ</i>	23.964,70
-	<i>Sản xuất</i>	83.225,79
-	<i>Ngoài quy hoạch phát triển rừng</i>	51.005,39
1.2	<i>Phân theo chủ rừng và tổ chức được giao quản lý</i>	264.907,95
a)	Chủ rừng nhóm I (<i>hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư</i>)	133.295,10

³ Công văn số 1173/CCKL-BVR ngày 30/11/2023 của Chi cục Kiểm lâm về việc tập trung chỉ đạo công tác diễn biến rừng năm 2023;

b)	Chủ rừng nhóm II (bao gồm các tổ chức)	100.513,18
c)	UBND cấp xã	31.099,67
2.	Diện tích đất chưa có rừng	95.713,65
2.1	Phân theo loại đất và mục đích sử dụng	95.713,65
a)	Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng	67.980,56
-	Phòng hộ	7.558,58
-	Sản xuất	37.364,88
-	Ngoài quy hoạch phát triển rừng	23.057,10
b)	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	12.569,08
-	Phòng hộ:	6.013,20
-	Sản xuất:	6.555,88
c)	Diện tích khác	15.164,01
-	Phòng hộ:	6.210,83
-	Sản xuất:	8.953,18
2.2	Phân theo chủ rừng	95.713,65
a)	Chủ rừng nhóm I (hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)	54.703,85
b)	Chủ rừng nhóm II (bao gồm các tổ chức)	18.021,54
c)	UBND cấp xã	22.988,26

2. Tỷ lệ che phủ rừng

- Tỷ lệ che phủ rừng không bao gồm cây trồng phân tán: 51,39% (trong đó: diện tích trong quy hoạch chiếm 41,22%; diện tích ngoài quy hoạch chiếm 10,17%);

- Tỷ lệ che phủ rừng bao gồm cây trồng phân tán: 52,33% (trong đó: diện tích trong quy hoạch chiếm 42,17%; diện tích ngoài quy hoạch chiếm 10,16%).

3. Phân tích nguyên nhân tăng/giảm diện tích rừng, diện tích chưa thành rừng trong kỳ so với cùng kỳ năm trước

a) So sánh trong kỳ và cùng kỳ năm trước

Tổng diện tích tính tỷ lệ che phủ rừng năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022 là **1.924,22 ha**; trong đó:

- Rừng trồng tăng: **1.879,75 ha;**
- Rừng tự nhiên tăng: **44,47 ha.**

b) Phân tích theo các nguyên nhân

- Tăng diện tích rừng **24.956,40 ha**
- + Trồng rừng **0,00 ha**
- + Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng **24.719,82 ha**
- + Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng **236,58 ha**

+ Các nguyên nhân khác	0,00 ha
- Giảm diện tích rừng	23.032,18 ha
+ Khai thác rừng trồng	22.710,70 ha
+ Khai thác rừng trái phép	0,00 ha
+ Cháy rừng	5,11 ha
+ Phá rừng trái pháp luật	17,53 ha
+ Chuyển mục đích sử dụng rừng	31,25 ha
+ Các nguyên nhân khác (lũ lụt, sạt lở,...)	267,59 ha

(Chi tiết có các Biểu số 01, 02, 03 và 04 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Công tác theo dõi diễn biến rừng năm 2023 được các cấp Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện. Cơ quan Kiểm lâm các cấp đã chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã và các đơn vị Chủ rừng triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn, lâm phần quản lý. Các đơn vị chủ rừng, nhất là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Trạm Quản lý bảo vệ rừng phối hợp chặt chẽ với Hạt Kiểm lâm sở tại rà soát hiện trạng rừng, xác minh kịp thời thông tin biến động diện tích rừng (nếu có). Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ theo dõi diễn biến rừng không ngừng được cải thiện, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục nâng cấp phần mềm theo dõi diễn biến rừng, UBND tỉnh đầu tư kinh phí trang bị 02 Flycam, 14 máy vi tính bàn cấu hình cao và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án "Hiện đại hóa, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi". Nhờ đó, công tác theo dõi diễn biến rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ, các vụ phá rừng, cháy rừng được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được kiểm soát chặt chẽ nên không có vụ việc nổi cộm.

2. Khó khăn, tồn tại

Quy trình thực hiện theo dõi diễn biến rừng tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, trong đó vai trò của lực lượng Kiểm lâm rất quan trọng nhưng biên chế lại thiếu, một công chức, viên chức Kiểm lâm phải phụ trách địa bàn nhiều xã, phường, thị trấn nên gặp rất nhiều khó khăn trong công việc được giao. Trong khi đó, Chủ rừng hầu như chưa nhận thức đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với diện tích rừng được nhà nước giao, cho thuê, Chủ rừng nhóm I (*hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư*) không thực hiện báo cáo biến động diện tích rừng cho Kiểm lâm địa bàn. Chủ rừng nhóm II (*Công ty TNHH MTV LN Ba Tô, Tập đoàn Tân Mai, Công ty Huyền Trang ...*) không đủ năng lực để thực hiện theo dõi diễn biến rừng, ...

Công tác quản lý rừng ở một số địa phương còn bất cập, chưa hoàn thiện việc **“giao đất gắn với giao rừng”** nhất là diện tích rừng tự nhiên thuộc dự án KfW6 đầu tư trước đây ở các huyện: Đức Phổ và Tư Nghĩa nên vẫn còn tình trạng xâm hại rừng tự nhiên xảy ra. Một số huyện như: Trà Bồng, Sơn Tây chưa kịp thời rà soát điều chỉnh “loại đất, loại rừng” theo hiện trạng thực tế nên vẫn còn nguyên nhân **"sai khác hiện trạng"** khi xác định nguồn gốc rừng.

Công tác cập nhật biến động đối với nguyên nhân **"chuyển mục đích sử dụng đất, rừng"** chưa được các địa phương thực hiện đầy đủ theo các Quyết định của cấp có thẩm quyền, làm ảnh hưởng đến việc xác định nhu cầu thực tế cần chuyển mục đích sử dụng đất, rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đến năm 2030 nói riêng và quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 03 loại rừng (*phòng hộ, đặc dụng, sản xuất*) trên địa bàn tỉnh cùng kỳ nói chung.

Phần mềm FRMS 4.0 hiện tại không cho phép cập nhật trực tiếp thay đổi loại đất, loại rừng **"rừng trồng sang rừng tự nhiên và ngược lại"** theo kết quả kiểm tra, xác minh hiện trạng thực tế diễn thế rừng đối với diện tích **rừng trồng** của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh được đầu tư theo các Chương trình/dự án trước đây nay thành **Rừng tự nhiên**⁴ mà phải thực hiện bước trung gian chuyển **"đất trồng"** rồi mới **"có rừng"** đã gây rất nhiều khó khăn trong việc lập hồ sơ quản lý rừng của Chủ rừng và công tác quản lý rừng của địa phương sở tại.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chi cục Kiểm lâm vùng IV

Hỗ trợ đồng bộ kết quả diễn biến rừng tỉnh Quảng Ngãi lên cơ sở dữ liệu trung tâm; kiến nghị Cục Kiểm lâm khắc phục vướng mắc về phần mềm FRMS 4.0 như đã nêu; tổ chức tập huấn điều tra rừng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ ứng dụng công nghệ viễn thám trong quản lý ngành lâm nghiệp,...

2. Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT

Phối hợp với Sở Tài chính kiến nghị UBND tỉnh quan tâm phân bổ kinh phí đầy đủ theo dự toán hàng năm để Chi cục Kiểm lâm tỉnh triển khai thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng thuận lợi.

3. Đối với các Chủ rừng nhóm II

Tiếp tục tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến rừng trên diện tích rừng và đất lâm nghiệp được nhà nước giao đúng quy định; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, cho phép thuê/hợp đồng nhân viên bảo vệ rừng để đảm trách nhiệm vụ; tranh thủ các nguồn lực hợp pháp theo quy định pháp luật để đầu tư nguồn nhân lực và mua sắm trang thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ giám sát tài nguyên rừng đạt hiệu quả cao.

4. Đối với các Hạt Kiểm lâm trực thuộc

Xác định rõ vai trò trách nhiệm của Kiểm lâm trong công tác theo dõi diễn biến rừng, tập trung rà soát các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về công tác quản lý, bảo vệ rừng nói chung và theo dõi diễn biến rừng nói riêng

⁴ Cây gỗ rừng trồng (*cây phụ trợ, cây trồng chính*) bị gió bão ngã đổ hoặc bị chết do quá tuổi thành thực, lập địa chưa phù hợp,... và các cây gỗ có nguồn gốc tự nhiên tái sinh đáp ứng tiêu chí thành rừng tự nhiên.

trong thời gian qua, để tổ chức thực hiện hoặc tham mưu, đề xuất UBND cấp huyện triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tại **Công văn số 580/CCKL-BVR ngày 11/8/2020** của Chi cục Kiểm lâm về việc chấn chỉnh công tác theo dõi diễn biến rừng.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc Kiểm lâm địa bàn, Chủ rừng nhóm II thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn được phân công, lâm phần quản lý. Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với Kiểm lâm địa bàn, Chủ rừng nhóm II chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm về báo cáo thông tin biến động về rừng theo quy định.

Chủ động tham mưu, đề xuất UBND cấp huyện xem xét, bố trí kinh phí đầu tư mua sắm trang, thiết bị để tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến rừng nói riêng, công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phòng cháy chữa cháy rừng nói chung, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

Kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2023 *(có dự thảo Tờ trình và Quyết định kèm theo)*./

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT Q.Ngãi;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cục Kiểm lâm (để biết);
- Chi cục Kiểm lâm vùng IV;
- Các Chủ rừng nhóm II;
- Các Hạt Kiểm lâm trực thuộc;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, BVR_{PTK}.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Duy Hưng